

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lợi

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi thường trú: Ấp 6, xã B, huyện Đ, tỉnh T (Nay là ấp 6, xã B, tỉnh V).

Nơi ở hiện tại: Ấp 5, xã B, huyện Đ, tỉnh T (Nay là ấp 5, xã B, tỉnh V).

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1970; có chồng tên Sơn C, sinh năm 1990 và 03 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 09/4/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Huỳnh Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Văn Việt T, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1995 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã B, huyện Đ, tỉnh T (Nay là Ấp 6, xã B, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 04 tháng 02 năm 2025, Nguyễn Thị T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp 6, xã B, huyện Đ (Nay là Ấp 6, xã B, tỉnh V) mượn và điều khiển xe mô tô biển số 71C1-144.49 của anh Nguyễn Văn Việt T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp 6, xã B lưu thông theo hướng từ xã B (Nay là xã B) đi xã T. Khi đi ngang Chợ thuộc ấp L, xã T, Tép vào chợ mua 1,3 kilôgam con cá nâu với giá

180.000 đồng rồi điều khiển xe chạy về hướng xã T. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, khi đi qua cầu Khém Dưới, T ghé vào chòi mua, bán cá của ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973 thuộc ấp P, xã T để bán số cá nâu vừa mua cho ông T và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp P, xã T (vợ ông T) với giá 100.000 đồng. Sau đó, T hỏi mua 08 kilôgam con vộp của ông T, bà H. Lợi dụng lúc ông T, bà H đang cân con vộp không để ý đến tài sản, T lén lút lấy trộm 01 giỏ xách bằng nhựa màu xanh đang treo trên cây cột bằng gỗ trước cửa chòi của ông T bên trong có: 01 túi xách bằng vải màu đỏ chứa số tiền 20.956.000 đồng Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, 01 cục sạc dự phòng màu đen, 01 dây cáp sạc điện thoại màu trắng. Tép mang số tài sản vừa lấy trộm được để trên xe mô tô rồi tẩu thoát. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen (mua cách nay 03 năm, tài sản thu hồi được) có giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 01 cục sạc dự phòng màu đen (mua cách nay 05 tháng, tài sản thu hồi được) có giá trị còn lại 50.000 đồng; 01 dây cáp sạc điện thoại (mua cách nay 02 tháng, tài sản thu hồi được) có giá trị còn lại 20.000 đồng; 01 giỏ xách bằng nhựa màu xanh (mua cách nay 05 tháng, tài sản thu hồi được) có giá trị còn lại 10.000 đồng; 01 giỏ xách bằng vải màu đỏ (mua cách nay 05 tháng, tài sản thu hồi được) có giá trị còn lại 10.000 đồng. Tổng cộng 1.090.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 04/02/2025, Công an xã T đã thu giữ: Số tiền 20.956.000 đồng Việt Nam, 01 giỏ xách bằng nhựa màu xanh, 01 giỏ xách bằng nylon sọc đỏ vàng, 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng, 01 áo khoác bằng vải thun màu hồng, 01 quần dài bằng vải thun màu đỏ; 01 xe mô tô biển số 71C1-144.49, nhãn hiệu YAMAHA, số máy 1FC1-040761, số khung FC10DY040756, số loại SIRIUS FI, màu đen trắng; 01 dây cáp sạc điện thoại màu trắng, 01 cục sạc dự phòng màu đen. Ngày 05/02/2025, Công an xã Thạnh P đã thu giữ: 01 túi xách bằng vải màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen.

Ngày 13/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại 01 giỏ xách bằng nhựa màu xanh, 01 túi xách bằng vải màu đỏ, số tiền 20.956.000 đồng Việt Nam, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, 01 cục sạc dự phòng màu đen, 01 dây cáp sạc điện thoại màu trắng cho bị hại Huỳnh Văn T và đã trả lại 01 xe mô tô biển số 71C1-144.49, nhãn hiệu YAMAHA, số máy 1FC1-040761, số khung FC10DY040756, số loại SIRIUS FI, màu đen trắng cho anh Nguyễn Văn Việt T. Ngày 09/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng, 01 quần dài bằng vải thun màu đỏ, 01 áo khoác bằng vải thun màu hồng, 01 giỏ xách bằng nylon sọc đỏ vàng cho bị can Nguyễn Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản bị lấy trộm và không yêu cầu Nguyễn Thị T bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSBD ngày 25/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội ‘Trộm cắp tài sản’ theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) đã truy tố và tài liệu, chứng cứ đã thu thập. Bị cáo đồng ý với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bị hại ông Huỳnh Văn T trong vụ án vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã trình bày là đã nhận lại tài sản mà bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 01 đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 đến 04 năm tính từ ngày tuyên án.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Bị hại ông Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản mà bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vật chứng đã xử lý xong.

- Các vấn đề khác: Bị cáo Nguyễn Thị T mượn xe mô tô biển số 71C1-144.49 của anh Nguyễn Văn Việt T để làm phương tiện di chuyển để đi trộm cắp nhưng anh T không biết nên không xem xét xử lý anh T là đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/7/2025, bị cáo không có ý kiến gì. Bị hại vắng mặt đã nhận lại tài sản mà bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường gì thêm, đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng ở Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định khoảng 07 giờ ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh B (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V) với động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thị T đã lén lút lấy trộm số tiền 20.956.000 đồng

Việt Nam, 01 giỏ xách, 01 túi xách, 01 điện thoại di động, 01 cục sạc dự phòng, 01 dây cáp sạc điện thoại của bị hại ông Huỳnh Văn T với tổng giá trị là 22.046.000 đồng.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn lao động, đi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng, bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, Cáo trạng số 29/CT-VKSBD ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi phạm tội lấy trộm tài sản để tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm mà còn gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung xã hội.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự.
- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*, *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tình tiết giảm nhẹ khác được hưởng là đang nuôi dưỡng 02 con nhỏ 02 tuổi và 03 tuổi quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, bị cáo T có khai tình tiết là có ông nội có công với cách mạng. Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2025 ở Ủy ban nhân dân xã B (Bút lục số 162) xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tình tiết này cho bị cáo T được hưởng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[7] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo T gây ra, xét thấy bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ (có 01 con sinh ngày 22/11/2023, dưới 36 tháng tuổi). Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo T vẫn có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo T hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[10] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản mà bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[12] Các vấn đề khác: Bị cáo Nguyễn Thị T mượn xe mô tô biển số 71C1-144.49 của anh Nguyễn Văn Việt T để làm phương tiện di chuyển để đi trộm cắp nhưng anh T không biết nên không xem xét xử lý anh T là đúng quy định của pháp luật.

[13] Về án phí : Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/7/2025).

Giao bị cáo **Nguyễn Thị T** cho Ủy ban nhân dân xã Bi, tỉnh V nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 41/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 26/6/2025 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 11/HSST-QĐTHXC của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) đối với bị cáo **Nguyễn Thị T**.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phân trại tạm giam khu vực Bình Đại, trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ nghiệp vụ) (1b);
- Bị cáo, bị hại, người liên quan (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Tòa hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND, Công an xã Bình Đại (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

